

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo chính quy)

Cập nhật đến 12/6/2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Đồng Tháp

2. Ký hiệu cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: SPD

3. Địa chỉ các trụ sở:

Cơ sở đào tạo chính: Trường Đại học Đồng Tháp, số 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

- Website chính của Trường: dthu.edu.vn
- Website tuyển sinh của Trường: tuyensinh.dthu.edu.vn
- Website đăng ký thi môn năng khiếu của Trường: <https://thinangkhieu.dthu.edu.vn/>
- Website đăng ký thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của Trường: <https://vsat.dthu.edu.vn/>
- Website đăng ký xét tuyển các phương thức và nộp minh chứng xét tuyển: <https://xettuyen.dthu.edu.vn/>
- Website Phòng Bảo đảm chất lượng: <https://qao.dthu.edu.vn/>

5. Số điện thoại và email liên hệ tuyển sinh chính quy

Phòng Bảo đảm chất lượng: ☎ 0277.3882258; ✉ tuyensinh@dthu.edu.vn.

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh:

- Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường: <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-tuyen-sinh-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non-cua-truong-dai-hoc-dong-thap.html>
- Quy chế thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của Trường: <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/quyet-dinh-ve-viec-ban-hanh-quy-che-thi-danh-gia-dau-vao-dai-hoc-tren-may-tinh-v-sat-cua-truong-dai-hoc-dong-thap.html>
- Đề án tổ chức thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của Trường: <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/quyet-dinh-ve-viec-phe-duyet-va-ban-hanh-de-an-to-chuc-thi-danh-gia-dau-vao-dai-hoc-tren-may-tinh-v-sat-cua-truong-dai-hoc-dong-thap-nam-2025.html>
- Quy chế thi môn năng khiếu để bổ trợ xét tuyển đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học của Trường: <https://qao.dthu.edu.vn/post/quy-che-thi-mon-nang-khieu-de-bo-tro-xet-tuyen-dao-tao-trinh-do-cao-dang-trinh-do-dai-hoc-cua-truong-dai-hoc-dong-thap-1748>

- Đề án Tổ chức thi môn năng khiếu để bổ trợ xét tuyển đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học của Trường Đại học Đồng Tháp năm 2025: <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/de-an-to-chuc-thi-mon-nang-khieu-de-bo-tro-xet-tuyen-dao-tao-trinh-do-cao-dang-trinh-do-dai-hoc-cua-truong-dai-hoc-dong-thap.html>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:

- Địa chỉ công khai chương trình đào tạo: <https://aao.dthu.edu.vn/>
- Địa chỉ công khai ngành đào tạo: <https://aao.dthu.edu.vn/>
- Địa chỉ công khai đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý: <https://dp.dthu.edu.vn/>
- Địa chỉ công khai cơ sở vật chất: <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/>
- Địa chỉ công khai quy mô đào tạo: <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/>
- Địa chỉ công khai tỷ lệ sinh viên có việc làm: <https://dthu.edu.vn/lists.aspx?idmn=179>
- Địa chỉ công khai kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành: <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Đối tượng dự tuyển đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại **mục 3** của Thông tin tuyển sinh này;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Đồng Tháp tuyển sinh 6.003 chỉ tiêu. Với 50 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành cao đẳng Giáo dục mầm non theo phương thức xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển cho 05 mã phương thức.

STT	Mã phương thức	Tên phương thức
1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
2	200	Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)

3	301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT
4	416	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025
5	402	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

Lưu ý: thứ tự ưu tiên giữa các Phương thức khi xét tuyển được sắp xếp như trên.

3. Quy tắc quy đổi điểm tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Xây dựng quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển, ngưỡng đầu vào giữa các phương thức xét tuyển (PTXT), tổ hợp xét tuyển (THXT) của Trường thực hiện theo hướng dẫn Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 09/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể khung quy đổi giữa các loại điểm thi Nhà trường sẽ ban hành hướng dẫn và công bố sau theo lộ trình trong Kế hoạch tuyển sinh 2025 của Trường.

3.2. Ngưỡng đầu vào:

3.2.1. Đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ GD&ĐT công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

3.2.2. Đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên khi:

a) Kết quả học tập cả năm lớp 12 (**giáo dục chính quy**) được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Kết quả học tập cả năm lớp 12 (**giáo dục chính quy**) được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm âm nhạc, Sư phạm mỹ thuật và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

3.2.3. Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật có điểm thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) khi đăng ký xét tuyển vào các ngành phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

3.2.4. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:

a) Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;

- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;
- Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

b) Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục Thể chất, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên

- Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

3.2.5. Đối với ngành Luật, thực hiện theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học. Theo đó, người học các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học phải đáp ứng các yêu cầu:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm (nếu theo thang điểm 30 thì điểm tối thiểu tuyển vào là 18 điểm).

3.2.6. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường ĐHĐT xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển ít nhất 10 ngày. Đối với ngưỡng đầu vào ngành đào tạo giáo viên, ngưỡng đầu vào không được thấp hơn ngưỡng quy định của Bộ GDĐT.

3.3. Phương thức xét tuyển

Có 05 phương thức xét tuyển như sau:

STT	Mã phương thức	Tên phương thức
1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
2	200	Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)
3	301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT
4	416	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025
5	402	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

3.3.1. Phương thức 100: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025

- Xét tuyển dựa vào điểm của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo tổ hợp xét tuyển (3 môn thi) ứng với ngành do thí sinh đăng ký;

- Các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển thí sinh phải tham dự kỳ thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để đủ điều kiện tham gia xét tuyển và đạt kết quả từ 6,0 trở lên. Trường ĐHĐT tổ chức thi Năng khiếu 02 đợt (Đợt 1: ngày 29-30/6/2025; Đợt 2: ngày 19-20/7/2025):

+ Ngành Giáo dục Mầm non (*CD hoặc DH*): đối với tổ hợp môn M00, M05 ngoài 02 môn thi văn hóa (*Toán và Ngữ văn, Ngữ văn và Lịch sử*), thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu GDMN.

+ Ngành Giáo dục Thể chất và Ngành Huấn luyện Thể thao: đối với các tổ hợp, ngoài 02 môn thi văn hóa (*Toán và Sinh học; Toán và Địa lí; Ngữ văn và GDCD; Ngữ văn và Địa lí; Ngữ văn và Toán; Ngữ văn và Sinh học; Ngữ văn và GDKT&PL*), thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu TDTT.

+ Ngành Sư phạm Âm nhạc: đối với các tổ hợp, ngoài 01 môn thi văn hóa (*Toán hoặc Ngữ văn*), thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (*Năng khiếu Hát và Năng khiếu Thảm âm-Tiết tấu*).

+ Ngành Sư phạm Mỹ thuật: đối với các tổ hợp, ngoài 01 môn thi văn hóa (*Toán hoặc Ngữ văn*), thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (*Năng khiếu Trang trí và Năng khiếu Hình họa*).

- Không sử dụng điểm bảo lưu Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2024 về trước;
- Không nhân hệ số môn thi;
- Không quy định xếp loại học lực lớp 12 của học bạ THPT (*kể cả các ngành đào tạo giáo viên*).

3.3.1.1. Ngành xét tuyển: tất cả 51 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*xem mục 4*).

3.3.1.2. Điều kiện ngưỡng bảo đảm chất lượng khi đăng ký xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025;
- **Đối với các ngành đào tạo giáo viên:** Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Dự kiến công bố chậm nhất 17 giờ 00 ngày 23/07/2025. Ngoài ra, đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non đối với tổ hợp môn M00, M05 (*môn Năng khiếu GDMN*), ngành Giáo dục Thể chất (*môn Năng khiếu TDTT*), ngành Sư phạm Âm nhạc (*môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thảm âm – Tiết tấu*), ngành Sư phạm Mỹ thuật (*môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa*), thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh phải tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để làm điều kiện tham gia xét tuyển và đạt kết quả từ 6,0 trở lên;
- **Đối với các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên:** đạt từ ngưỡng Bảo đảm chất lượng đầu vào do Trường ĐHĐT xác định; Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào từ điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông để tuyển sinh các ngành không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học năm 2025 đối với thí sinh ở khu vực 3 có mức điểm tối thiểu (không nhân hệ số) của tất cả các tổ hợp gồm 3 bài thi/môn thi đạt ngưỡng đầu vào từ 15 điểm trở lên; không có môn nào từ 1,0 điểm trở xuống (*thang điểm 10*).

3.3.1.3. Điểm xét tuyển (ĐXTTHPT): là tổng điểm lớn nhất từ kỳ thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký ($\text{ĐTHPT}_{\max}$) và điểm ưu tiên (ĐU'T) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Không nhân hệ số môn thi.

$$\text{ĐXTTHPT} = \text{ĐTHPT}_{\max} + \text{ĐU'T} \quad (1)$$

Điểm ưu tiên

$$\text{ĐU'T} = \left(\frac{30 - \text{ĐTHPT}_{\max}}{7,5} \right) \times \text{MĐU'T} \quad (2)$$

- Công thức ĐU'T chỉ áp dụng cho thí sinh đạt ĐXTTHPT từ 22,5 trở lên.
- Nếu tổng điểm đạt dưới 22,5; điểm ưu tiên bằng với mức điểm ưu tiên (MĐU'T).
- MĐU'T là tổng mức điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ GDĐT.
- Tính $\text{ĐTHPT}_{\max}$ của phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (Mã: 100)
- Tổng điểm đạt được lớn nhất theo tổ hợp từ kỳ thi tốt nghiệp THPT ($\text{ĐTHPT}_{\max}$) áp dụng cho ký hiệu phương thức tuyển sinh 100, là tổng điểm cao nhất trong các tổng điểm thi THPT theo tổ hợp xét tuyển (ĐTHPT_x).
- Trong đó, ĐTHPT_x là tổng điểm thi quy đổi về thang 30 các điểm thi của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển X, với môn ĐTM_1 , ĐTM_2 , ĐTM_3 không nhân hệ số.

- Công thức tính $\text{ĐTHPT}_{\max}$:

$$\text{ĐTHPT}_x = \text{ĐTM}_1 + \text{ĐTM}_2 + \text{ĐTM}_3 \quad (3)$$

$$\text{ĐTHPT}_{\max} = \max(\text{ĐTHPT}_x) \quad (4)$$

- Ví dụ minh họa: Phụ lục 1.

3.3.2. Phương thức 200: Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)

- Xét tuyển dựa vào Điểm trung bình môn lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển (3 môn) ứng với ngành do thí sinh đăng ký.

- Các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển thí sinh phải tham dự kỳ thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để đủ điều kiện tham gia xét tuyển và có kết quả từ 6,0 trở lên. Trường ĐHĐT tổ chức thi Năng khiếu 02 đợt (*Đợt 1: ngày 29-30/6/2025; Đợt 2: ngày 19-20/7/2025*):

+ Ngành Giáo dục Mầm non (*CD hoặc DH*): đối với tổ hợp môn M00, M05 ngoài 02 môn thi văn hóa (*Toán và Ngữ văn, Ngữ văn và Lịch sử*), thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu GDMN.

+ Ngành Giáo dục Thể chất và Ngành Huấn luyện Thể thao: đối với các tổ hợp, ngoài 02 môn thi văn hóa (*Toán và Sinh học; Toán và Địa lí; Ngữ văn và GD&ĐT; Ngữ văn và Địa lí; Ngữ văn và Toán; Ngữ văn và Sinh học; Ngữ văn và GD&ĐT&PL*), thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu TDTT.

+ Ngành Sư phạm Âm nhạc: đối với các tổ hợp, ngoài 01 môn thi văn hóa (*Toán hoặc Ngữ văn*), thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (*Năng khiếu Hát và Năng khiếu Thảm âm-Tiết tấu*).

+ Ngành Sư phạm Mỹ thuật: đối với các tổ hợp, ngoài 01 môn thi văn hóa (*Toán hoặc Ngữ văn*), thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (*Năng khiếu Trang trí và Năng khiếu Hình họa*).

3.3.2.1. Ngành xét tuyển: tất cả 51 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng Giáo dục mầm non (*xem mục 4*).

3.3.2.2. Điều kiện ngưỡng bảo đảm chất lượng khi đăng ký xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- **Đối với các ngành đào tạo giáo viên:**

+ Có kết quả học bạ lớp 12 (giáo dục chính quy);

+ Xét tuyển trình độ ĐH sử dụng Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, trừ các trường hợp quy định sau:

* Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật; ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

* Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật có điểm thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) khi đăng ký xét tuyển vào các ngành phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

* Ngoài ra, đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non đối với tổ hợp môn M00, M05 (môn Năng khiếu GDMN), ngành Giáo dục Thể chất (môn Năng khiếu TDTT), ngành Sư phạm Âm nhạc (môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thảm âm – Tiết tấu), ngành Sư phạm Mỹ thuật (môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa), thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh phải tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để làm điều kiện tham gia xét tuyển và đạt kết quả từ 6,0 trở lên.

- **Đối với các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên:** Điểm trung bình môn lớp 12 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký đạt từ 18,0 trở lên.

3.3.2.3. Điểm xét tuyển (ĐXTHB): là tổng Điểm trung bình môn lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển (3 môn) lớn nhất từ điểm học bạ ứng với ngành do thí sinh đăng ký ($ĐHB_{max}$) và điểm ưu tiên (ĐƯT) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Không nhân hệ số môn thi.

$$ĐXTHB = ĐHB_{max} + ĐƯT \quad (5)$$

Điểm ưu tiên

$$ĐƯT = \left(\frac{30 - ĐHB_{max}}{7,5} \right) \times MĐƯT \quad (6)$$

- Công thức này chỉ áp dụng cho thí sinh đạt ĐXTHB từ 22,5 trở lên.

- Nếu tổng điểm đạt dưới 22,5; điểm ưu tiên bằng với mức điểm ưu tiên (MĐƯT).

- MĐƯT là tổng mức điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ GDĐT.

- Tính $\text{ĐHB}_{\max}$ của phương thức Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ) (kí hiệu: 200)

- Tổng điểm đạt được lớn nhất theo tổ hợp từ Điểm trung bình môn lớp 12 ($\text{ĐHB}_{\max}$) áp dụng cho ký hiệu phương thức tuyển sinh 200, là tổng điểm cao nhất trong các tổng điểm trung bình môn lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển (ĐHB_x).

- Trong đó, ĐHB_x là tổng điểm quy đổi về thang 30 các Điểm trung bình môn lớp 12 của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển X, với môn ĐM_1 , ĐM_2 , ĐM_3 quy định trong Mục 4, giữa các môn không nhân hệ số.

- ĐCT là Điểm cộng của Trường, theo **mục 5.2**, áp dụng cho phương thức xét tuyển bằng Học bạ. Tổng không quá 3 điểm và $\text{ĐHB}_{\max}$ không vượt quá 30.

- Công thức tính $\text{ĐHB}_{\max}$:

$$\text{ĐHB}_x = \text{ĐM}_1 + \text{ĐM}_2 + \text{ĐM}_3 + \text{ĐCT} \quad (7)$$

$$\text{ĐHB}_{\max} = \max(\text{ĐHB}_x) \quad (8)$$

- Ví dụ minh họa: Phụ lục 1.

3.3.3. Phương thức 301: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

3.3.3.1. Ngành xét tuyển: tất cả 51 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng Giáo dục mầm non (xem mục 4).

3.3.3.2. Điều kiện ngưỡng bảo đảm chất lượng khi đăng ký xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Nếu thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết quả các môn thi văn hóa không có môn nào có kết quả từ 1,0 (thang điểm 10) điểm trở xuống;

- Các đối tượng được đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học hệ chính quy được quy định tại Điều 8 của Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022. Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng với các nội dung cụ thể sau:

- Xét tuyển thẳng thí sinh đạt giải quốc gia, quốc tế hoặc Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế.

+ Học sinh giỏi (Toán, Lý, Hóa, Văn, Anh, Sinh, Tin, Sử, Địa), đạt giải (Nhất, Nhì, Ba) ở các năm (2023, 2024, 2025). Xét tuyển thẳng các chương trình/ngành có môn trong tổ hợp xét tuyển trùng với môn đạt giải.

+ Đối với giải Cuộc thi thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế: Xem xét tuyển thẳng vào các chương trình/ngành đào tạo phù hợp.

- Xét tuyển thẳng thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận vào 02 ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật.

- Xét tuyển thẳng thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á

(ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á vào 02 ngành Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao.

3.3.4. Phương thức 402: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

3.3.4.1. Ngành xét tuyển: tất cả 47 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng Giáo dục mầm non (*xem mục 4*).

3.3.4.2. Điều kiện ngưỡng bảo đảm chất lượng khi đăng ký xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- **Đối với các ngành đào tạo giáo viên:**

+ Xét tuyển trình độ ĐH sử dụng Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

+ Xét tuyển trình độ CĐ sử dụng Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

- Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2025 do ĐHQG TP.HCM tổ chức và có kết quả đạt từ ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu từ 600 trở lên (*theo thang điểm 1200*).

3.3.4.3. Điểm xét tuyển: kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (*Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT*) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển = Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

Điểm ưu tiên giữa các khu vực và đối tượng được quy đổi như sau: khu vực 3 cộng 0 điểm; khu vực 2 cộng 10 điểm; khu vực 2 nông thôn cộng 20 điểm; khu vực 1 cộng 30 điểm. Thí sinh thuộc nhóm ưu tiên 1 (đối tượng 01, 02, 03, 04) được cộng 80 điểm; thí sinh thuộc nhóm ưu tiên 2 (đối tượng 05, 06, 07) được cộng 40 điểm.

3.3.5. Phương thức 416: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025

- Xét tuyển dựa vào Điểm kỳ thi V-SAT 2025 do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc Trường ĐH khác tổ chức, theo tổ hợp xét tuyển (3 môn thi) ứng với ngành do thí sinh đăng ký.

- Các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển thí sinh phải tham dự kỳ thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để đủ điều kiện tham gia xét tuyển và có kết quả từ 6,0 trở lên. Trường ĐHĐT tổ chức thi Năng khiếu 02 đợt (*Đợt 1: ngày 29-30/6/2025; Đợt 2: ngày 19-20/7/2025*):

+ Ngành Giáo dục Mầm non (*CĐ hoặc ĐH*): đối với tổ hợp môn M00, M05 ngoài 02 môn thi trong kỳ thi V-SAT (*Toán và Ngữ văn, Ngữ văn và Lịch sử*), thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu GDMN.

+ Ngành Giáo dục Thể chất và Ngành Huấn luyện Thể thao: đối với các tổ hợp, ngoài 02 môn thi trong kỳ thi V-SAT (*Toán và Sinh học; Toán và Địa lí; Ngữ văn và Địa lí; Ngữ văn và Toán; Ngữ văn và Sinh học*), thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu TDTT.

+ Ngành Sư phạm Âm nhạc: đối với các tổ hợp, ngoài 01 môn thi trong kỳ thi V-SAT (*Toán hoặc Ngữ văn*), thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (*Năng khiếu Hát và Năng khiếu Thảm âm-Tiết tấu*).

+ Ngành Sư phạm Mỹ thuật: đối với các tổ hợp, ngoài 01 môn thi trong kỳ thi V-SAT (*Toán hoặc Ngữ văn*), thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (*Năng khiếu Trang trí và Năng khiếu Hình họa*).

3.3.5.1. Ngành xét tuyển: tất cả 51 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng Giáo dục mầm non (*xem mục 4*).

3.3.5.2. Điều kiện ngưỡng bảo đảm chất lượng khi đăng ký xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- **Đối với các ngành đào tạo giáo viên:**

+ Xét tuyển trình độ ĐH sử dụng Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên, trừ các trường hợp quy định sau:

* Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành Giáo dục thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật; ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

* Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật có điểm thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) khi đăng ký xét tuyển vào các ngành phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

* Ngoài ra, đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non đối với tổ hợp môn M00, M05 (môn Năng khiếu GDMN), ngành Giáo dục Thể chất (môn Năng khiếu TDTT), ngành Sư phạm Âm nhạc (môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thảm âm – Tiết tấu), ngành Sư phạm Mỹ thuật (môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa), thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh phải tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để làm điều kiện tham gia xét tuyển và đạt kết quả từ 6,0 trở lên.

- **Đối với các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên:** Điểm của kỳ thi V-SAT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký đạt từ 18,0 điểm trở lên.

3.3.5.3. Điểm xét tuyển (ĐXTVS): là tổng điểm của 3 môn lớn nhất từ điểm kỳ thi V-SAT theo tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký ($ĐVS_{max}$) và điểm ưu tiên (ĐƯT) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Không nhân hệ số môn thi.

$$ĐXTVS = ĐVS_{max} + ĐƯT \quad (11)$$

Điểm ưu tiên

$$ĐƯT = \left(\frac{30 - ĐVS_{max}}{7,5} \right) \times MĐƯT \quad (12)$$

- Công thức này chỉ áp dụng cho thí sinh đạt ĐXTVS từ 22,5 trở lên.
- Nếu tổng điểm đạt dưới 22,5; điểm ưu tiên bằng với mức điểm ưu tiên (MĐƯT).
- MĐƯT là tổng mức ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ GDĐT.
- Tính $\text{ĐVS}_{\max}$ của phương thức Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT (Mã: 416)
- Tổng điểm đạt được lớn nhất theo tổ hợp từ Điểm thi V-SAT ($\text{ĐVS}_{\max}$) áp dụng cho ký hiệu phương thức tuyển sinh 416, là tổng điểm cao nhất trong các tổng điểm thi V-SAT theo tổ hợp xét tuyển (ĐVS_x).
- Trong đó, ĐVS_x là tổng điểm thi quy đổi về thang 30 các điểm thi V-SAT của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển X, với môn ĐTM_1 , ĐTM_2 , ĐTM_3 không nhân hệ số.
- ĐCT là Điểm cộng của Trường, theo **mục 5.2**, áp dụng cho phương thức xét tuyển bằng Học bạ. Tổng không quá 3 điểm và $\text{ĐVS}_{\max}$ không vượt quá 30.
- Công thức tính $\text{ĐVS}_{\max}$:

$$\text{ĐVS}_x = \left(\frac{\text{ĐTM}_1 + \text{ĐTM}_2 + \text{ĐTM}_3}{15} \right) \quad (13)$$

$$\text{ĐVS}_{\max} = \max(\text{ĐVS}_x) + \text{ĐCT} \quad (14)$$

- Ví dụ minh họa: Phụ lục 1.

4. Chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh

Trường Đại học Đồng Tháp tuyển sinh **6.063 chỉ tiêu**. Với **51 ngành** đào tạo trình độ đại học, **01 ngành** cao đẳng Giáo dục mầm non theo phương thức xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển cho **05 phương thức**.

STT	Ký hiệu phương thức	Tên phương thức
1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
2	200	Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)
3	301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT
4	416	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025
5	402	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM

Lưu ý: thứ tự ưu tiên giữa các Phương thức khi xét tuyển được sắp xếp như trên.

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
1	51140201	Giáo dục Mầm non (CĐ)	100	100; 200; 301; 416; 402	C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
					M00	Ngữ văn, Toán, NK GDMN	
					M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK GDMN	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
2	7140103	Công nghệ Giáo dục	40	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, TA	
					X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ CN	
					X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	
3	7140201	Giáo dục Mầm non	400	100; 200; 301; 416; 402	C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT&PL	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					M00	Ngữ văn, Toán, NK GDMN	
					M05	Ngữ văn, Lịch sử, NK GDMN	
4	7140202	Giáo dục Tiểu học	700	100; 200; 301; 416; 402	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
5	7140204	Giáo dục Công dân	60	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT&PL	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
6	7140205	Giáo dục Chính trị	60	100; 200; 301; 416; 402	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT&PL	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
7	7140206	Giáo dục Thể chất	100	100; 200; 301; 416	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					T00	Toán, Sinh học, NK TD&ĐT	
					T01	Ngữ văn, Toán, NK TD&ĐT	
					T02	Ngữ văn, Sinh học, NK TD&ĐT	
					T03	Ngữ văn, Địa lí, NK TD&ĐT	
					T05	Ngữ văn, GDCD, NK TD&ĐT	
8	7140209	Sư phạm Toán học Có 02 chuyên ngành: - Chương trình đại trà - Chương trình toán tiếng Anh	100	100; 200; 301; 416; 402	T06	Toán, Địa lí, NK TD&ĐT	
					T15	Ngữ văn, GD&ĐT&PL, NK TD&ĐT	
					A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
9	7140210	Sư phạm Tin học	180	100; 200; 301; 416; 402	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	
					X06	Toán, Vật lí, Tin học	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
10	7140211	Su phạm Vật lý	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lý, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý	
					X07	Toán, Vật lý, Công nghệ công nghiệp	
					X06	Toán, Vật lý, Tin học	
11	7140212	Su phạm Hóa học	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					X11	Toán, Hóa học, Công nghệ công nghiệp	
					X10	Toán, Hóa học, Tin học	
12	7140213	Su phạm Sinh học	60	100; 200; 301; 416; 402	A02	Toán, Vật lý, Sinh học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					X16	Toán, Sinh học, Công nghệ NN	
					X14	Toán, Sinh học, Tin học	
13	7140217	Su phạm Ngữ văn	100	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
14	7140218	Su phạm Lịch sử	60	100; 200; 301; 416; 402	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
15	7140219	Su phạm Địa lý	60	100; 200; 301; 416; 402	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
16	7140221	Su phạm Âm nhạc	100	100; 200; 301; 416	N00	Ngữ văn, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu	
					N01	Toán, Hát, Thẩm âm-Tiết tấu	
17	7140222	Su phạm Mỹ thuật	100	100; 200; 301; 416	H00	Ngữ văn, Trang trí, Hình họa	
					H07	Toán, Trang trí, Hình họa	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
18	7140231	Sur phạm Tiếng Anh	300	100; 200; 301; 416; 402	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
19	7140234	Sur phạm Tiếng Trung Quốc	40	100; 200; 301; 416; 402	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Ngành mới tuyển năm 2025
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
					D04	Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung	
					D45	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Trung	
					D65	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung	
20	7140246	Sur phạm công nghệ	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, TA	
					X28	Toán, Công nghệ nông nghiệp, TA	
					X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ CN	
					X04	Toán, Ngữ văn, Công nghệ NN	
					X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	
					X08	Toán, Vật lí, Công nghệ nông nghiệp	
21	7140247	Sur phạm khoa học tự nhiên	270	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
22	7140249	Sur phạm Lịch sử và Địa lí	100	100; 200; 301; 416; 402	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
23	7220201	Ngôn ngữ Anh Có 03 chuyên ngành: - Biên-phiên dịch - Tiếng Anh kinh doanh - Tiếng Anh du lịch	250	100; 200; 301; 416; 402	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
24	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc Có 02 chuyên ngành: - Ngôn ngữ Trung Quốc - Ngôn ngữ Trung - Anh	270	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
25	7229042	Quản lý văn hóa (Tổ chức sự kiện)	70	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
26	7310110	Quản lý kinh tế	40	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
27	7310403	Tâm lý học giáo dục	50	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
28	7310501	Địa lý học (Địa lý du lịch)	40	100; 200; 301; 416; 402	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
					D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	
29	7310630	Việt Nam học (Hướng dẫn viên du lịch; Quản lý Nhà hàng và Khách sạn)	140	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
30	7320104	Truyền thông đa phương tiện	40	100; 200; 301; 416; 402	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngành mới tuyển năm 2025
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GDCD	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL	
31	7340101	Quản trị kinh doanh Có 02 chuyên ngành: - Quản trị kinh doanh - Quản trị Marketing	170	100; 200; 301; 416; 402	D66	Ngữ văn, GDCD, Tiếng Anh	Ngành mới tuyển năm 2025
					X78	Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh	
					A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
32	7340120	Kinh doanh quốc tế	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
33	7340201	Tài chính - Ngân hàng Có 02 chuyên ngành: - Tài chính - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp	130	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
34	7340301	Kế toán Có 02 chuyên ngành: - Kế toán - Kế toán doanh nghiệp	230	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	
35	7340403	Quản lý công	73	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
36	7380101	Luật	100	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	
					C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	
					C14	Ngữ văn, Toán, GDCD	
					X01	Toán, Ngữ văn, GDKT&PL	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
37	7420201	Công nghệ sinh học	80	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
38	7440301	Khoa học môi trường (Môi trường; An toàn sức khỏe môi trường)	70	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
39	7480101	Khoa học máy tính Có 02 chuyên ngành: - Công nghệ phần mềm; - Mạng máy tính và an ninh	120	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	
40	7480201	Công nghệ thông tin	240	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					A02	Toán, Vật lí, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	
41	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, TA	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
42	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					X06	Toán, Vật lí, Tin học	
					X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	
43	7540101	Công nghệ thực phẩm	50	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
44	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
					X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ CN	
45	7620103	Khoa học đất (Công nghệ phân bón và sản xuất sạch)	40	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
46	7620109	Nông học (Bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Chăn nuôi thú y và thủy sản)	80	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
47	7620301	Nuôi trồng thủy sản	100	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
48	7640101	Thú y	40	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Ngành mới tuyển năm 2025
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					C08	Ngữ văn, Hóa học, Sinh học	
49	7760101	Công tác xã hội	70	100; 200; 301; 416; 402	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	
					C14	Ngữ văn, Toán, GD&ĐT	
					C19	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT	
					C20	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT	
					X01	Toán, Ngữ văn, GD&ĐT&PL	
					X70	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT&PL	
					X74	Ngữ văn, Địa lí, GD&ĐT&PL	
					D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	

TT	Ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	P.Thức t.sinh	Tổ hợp	Các môn trong tổ hợp	Ghi chú
50	7810302	Huấn luyện thể thao	40	100; 200; 301; 416	T00	Toán, Sinh học, NK TĐTT	Ngành mới tuyển năm 2025
					T01	Ngữ văn, Toán, NK TĐTT	
					T02	Ngữ văn, Sinh học, NK TĐTT	
					T03	Ngữ văn, Địa lí, NK TĐTT	
					T05	Ngữ văn, GDCD, NK TĐTT	
					T06	Toán, Địa lí, NK TĐTT	
					T15	Ngữ văn, GDKT&PL, NK TĐTT	
51	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	60	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
					D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
52	7850103	Quản lý đất đai	80	100; 200; 301; 416; 402	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	
					A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	
					B00	Toán, Hóa học, Sinh học	
					C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	
					C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	
					D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	

Lưu ý:

- Môn năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức.
- Phương thức 402 không sử dụng tổ hợp để xét tuyển, chỉ xét điểm của kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG HCM năm 2025.
- Phương thức 416 sử dụng kết quả kỳ thi V-SAT năm 2025 của Trường Đại học Đồng Tháp hoặc Cơ sở giáo dục khác tổ chức trong năm 2025.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường ĐHĐT

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Tiêu chí phụ để xét tuyển, trúng tuyển:
 - + Tiêu chí phụ chỉ áp dụng với thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng điểm chuẩn trúng tuyển, vì vậy nếu thí sinh có tổng điểm lớn hơn điểm chuẩn trúng tuyển thì không cần quan tâm đến tiêu chí phụ.
 - + Có 2 tiêu chí phụ, sẽ ưu tiên lần lượt theo thứ tự: điểm môn chính cao hơn rồi mới xét đến thứ tự nguyện vọng.
- Riêng đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển, thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh phải tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để làm điều kiện tham gia xét tuyển và đạt kết quả từ 6,0 trở lên.
- Nếu thí sinh xét Phương thức 200 - Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ) vào các ngành đào tạo giáo viên thì phải có kết quả học bạ lớp 12 (giáo dục chính quy);

5.2. Điểm cộng

Điểm cộng dành cho tất cả các ngành		
Giải thưởng/Chứng chỉ	Mức độ	Điểm cộng ưu tiên (thang 30)
1. Giải học sinh giỏi THPT và Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia (đối với thí sinh không xét tuyển thẳng)	Nhất, Nhì, Ba	1,2
2. Giải học sinh giỏi THPT cấp Quốc gia (các môn thuộc tổ hợp tuyển)	Khuyến khích	1
3. Giải Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia (các môn thuộc tổ hợp tuyển)	Giải tư	1
4. Giải học sinh giỏi THPT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (các môn thuộc tổ hợp tuyển)	Nhất	0,8
	Nhì	0,7
	Ba	0,6
5. Giải Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (các môn thuộc tổ hợp tuyển)	Nhất	0,7
	Nhì	0,6
	Ba	0,5
6. Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á	Hoàn thành nhiệm vụ	1,2
7. Thí sinh đoạt huy chương các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm	Vàng	1,2
	Bạc	1
	Đồng	0,8
8. Thí sinh được Tổng cục Thể dục thể thao (TDTT) có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia	Kiến tướng	0,8
9. Thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi	Nhất	1,2
	Nhì	1
	Ba	0,8
10. Thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế	Nhất	1,2
	Nhì	1
	Ba	0,8
11. Thí sinh đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật; cuộc thi do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức		1,2

Điểm cộng dành cho các ngành đào tạo bằng tiếng Anh			
Chứng chỉ/Văn bằng	Thang điểm	Điểm IELTS	Điểm cộng ưu tiên (thang 30)
TOEFL iBT	35 – 39	4,5	0,5
	40 – 45	5,0	0,6
	46 – 61	5,5	0,7
	62 – 77	6,0	0,8
	78 – 93	6,5	0,9
	≥ 94	7,0	1
TOEFL ITP	466 – 482	4,5	0,5
	483 – 499	5,0	0,6
	≥ 500	5,5	0,7
VSTEP	B1	4,5	0,5
	B2	6,0	0,8

Lưu ý:

- Thí sinh được cộng tối đa là 3.00 điểm khuyến khích học tập (theo thang điểm 30).
- Thí sinh đạt giải học sinh giỏi quốc gia, tỉnh/thành phố chỉ dành cho kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, tỉnh/thành phố. Trong trường hợp thí sinh đạt thành tích cả hai nội dung tại mục 1, 2, 3, 4, 5 chỉ được cộng điểm khuyến khích cao nhất.
- Thí sinh được cộng điểm khuyến khích mục 6, 7, 8 và chỉ được cộng điểm khuyến khích cao nhất vào điểm xét tuyển khi xét tuyển vào ngành Giáo dục Thể chất hoặc ngành Huấn luyện thể thao.
- Thí sinh được cộng điểm khuyến khích mục 11 vào điểm xét tuyển khi xét tuyển vào nhóm ngành Sư phạm Mỹ thuật hoặc ngành Sư phạm Âm nhạc.
- Thời gian đoạt giải: không quá 4 năm tính tới thời điểm xét tuyển đối với các mục 6, 7, 8, 11 và không quá 3 năm với các mục 1, 2, 3, 4, 5, 9, 10.
- Điểm cộng mục 9, 10 được xét cộng cho các ngành xét tuyển phù hợp với nghề đã đoạt giải.

5.3. Quy đổi điểm tiếng Anh

Thí sinh có chứng chỉ IELTS từ 4,5 trở lên hoặc tương đương có thể sử dụng để quy đổi điểm tiếng Anh xét tuyển các tổ hợp có môn tiếng Anh thông qua hệ thống quy đổi của Nhà trường. Điểm quy đổi này sẽ được thay thế cho điểm trung bình môn tiếng Anh lớp 12 trong học bạ hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh.

Chứng chỉ/Văn bằng	Thang điểm	Điểm IELTS	Điểm quy đổi (thang 10)
TOEFL iBT	35 – 39	4,5	7,5
	40 – 45	5,0	8,0
	46 – 61	5,5	8,5
	62 – 77	6,0	9,0
	78 – 93	6,5	9,5
	≥ 94	7,0	10
TOEFL ITP	466 – 482	4,5	7,5
	483 – 499	5,0	8,0
	≥ 500	5,5	8,5
VSTEP	B1	4,5	7,5
	B2	6,0	9,0

5.4. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo

- Thí sinh được đăng ký không giới hạn số nguyện vọng và phải xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (ưu tiên 01 là nguyện vọng cao nhất). Đối với từng ngành, các thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

- Đối với mỗi thí sinh, tất cả các nguyện vọng đều được xét tuyển và chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng có ưu tiên cao nhất trong số các nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển.

- Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp môn trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành. Đây chính là điểm xét tuyển của thí sinh cuối cùng trong danh sách trúng tuyển và gọi là điểm chuẩn trúng tuyển của ngành.

- Đối với những ngành có chuyên ngành, sau khi trúng tuyển và nhập học theo ngành, thí sinh được chọn chuyên ngành theo học.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Đăng ký và xử lý nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh Trường ĐHĐT

a) Đối với phương thức 301 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT:

- Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố và đưa danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) lên hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên hệ thống.

- Thí sinh đã trúng tuyển vào Trường theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT để lựa chọn ngành đã trúng tuyển thẳng tại Trường hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

- Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung.
- Thời gian đăng ký hồ sơ: từ thông báo đến hết ngày 30/6/2025.
- Trước ngày 09/7/2025: công bố và đưa danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển lên hệ thống xét tuyển của Bộ GD&ĐT; đăng thông tin lên website Nhà trường và trên website <https://xettuyen.dthu.edu.vn>.

Lưu ý: Thí sinh trúng tuyển diện tuyển thẳng nếu có nguyện vọng học thì phải đăng ký nguyện vọng 1 với ngành trúng tuyển lên Hệ thống của Bộ GD&ĐT. Nếu đăng ký ngành trúng tuyển từ nguyện vọng 2 trở đi, kết quả xét tuyển sẽ lấy theo nguyện vọng cao nhất của thí sinh.

b) Đối với phương thức 200 - Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ); phương thức 301 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; phương thức 402- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2025 của ĐHQG TP.HCM; phương thức 416 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT

- Bên cạnh việc đăng ký hồ sơ trên Cổng thông tin xét tuyển của Trường và gửi hồ sơ đăng ký về Trường, thí sinh cần phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Trường Đại học Đồng Tháp trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> trong đợt đăng ký chính thức từ ngày 16/7/2025 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025.

- Trường sử dụng dữ liệu thí sinh đã nộp và được Duyệt trên Cổng thông tin xét tuyển của Trường và dữ liệu chung do Bộ GD&ĐT cung cấp để chạy xét tuyển, căn cứ theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Trường và Thông tin tuyển sinh 2025 đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Trường dự kiến công bố điểm chuẩn trúng tuyển của các ngành vào ngày 22/8/2025 theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT cùng với các cơ sở giáo dục đại học trên cả nước.

6.2. Đăng ký và xử lý nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT

a) Tất cả thí sinh (bao gồm cả thí sinh được xét tuyển thẳng) phải thực hiện đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trực tuyến, đưa tất cả nguyện vọng xét tuyển (NVXT) vào Trường ĐHTT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT (sau đây gọi tắt là Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT) trực tiếp tại địa chỉ <http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc gián tiếp thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (nội dung và thời gian thực hiện theo quy định tại điểm e mục 2 này). Thí sinh cần tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh, quy chế tuyển sinh của Trường ĐHTT, không đăng ký nguyện vọng vào những ngành đào tạo không đủ điều kiện.

b) Thí sinh khai báo chính xác và chịu trách nhiệm thông tin (các mốc thời gian theo hướng dẫn), bao gồm cả các thông tin để hưởng ưu tiên khu vực, đối tượng ưu tiên (nếu có) tại thời điểm đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (gửi kèm minh chứng đối tượng ưu tiên nếu có hướng dẫn tại phụ lục IX, Công văn số 2457 /BGDDT-GDDH ngày 19 /05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xem chi tiết phụ lục công văn tại <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/cong-van-huong-dan-tuyen-sinh-dai-hoc-tuyen-sinh-cao-dang-nam-2025.html>). Thông tin kê khai phải trung thực và chính xác. Thông tin nơi thường trú của thí sinh ở các giai đoạn sẽ được các cơ quan chức năng kiểm tra và xác thực trên cơ sở dữ liệu về dân cư.

c) Thí sinh ĐKXT theo phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành, trước 17 giờ 00 ngày 30/6/2025, nộp Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển tại Mục I và khoản a điểm 1 Mục II hướng dẫn này. Thí sinh trúng tuyển thẳng sẽ nhận thông tin trúng tuyển từ Trường ĐHĐT trước ngày 15/7/2025 và phải tiếp tục phải đăng ký NVXT trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT theo lịch chung.

d) Theo hướng dẫn của Sở giáo dục và đào tạo, thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để rà soát kết quả điểm học tập (học bạ) cấp THPT trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT và phải phản ánh lại với thầy, cô có trách nhiệm nơi thí sinh học cấp THPT để sửa sai (nếu có) hoàn thành trước 17 giờ 00 ngày 6/6/2025.

đ) Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, trung cấp (thí sinh tự do) có nhu cầu ĐKXT nhưng chưa thực hiện việc đăng ký thông tin cá nhân trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT phải thực hiện việc đăng ký để được cấp tài khoản sử dụng cho việc đăng ký NVXT từ ngày 10/7 đến ngày 20/7/2025, cụ thể như sau:

- Tải mẫu phiếu đăng ký thông tin cá nhân (*Phụ lục VI, Công văn số 2457 /BGDDT-GDDH ngày 19 /05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xem chi tiết công văn tại <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/cong-van-huong-dan-tuyen-sinh-dai-hoc-tuyen-sinh-cao-dang-nam-2025.html>*) và điền thông tin trên phiếu;

- Nộp phiếu tại điểm tiếp nhận (theo quy định và hướng dẫn của Sở giáo dục và đào tạo nơi thí sinh thường trú) để nhận thông tin tài khoản và nhập thông tin cá nhân lên Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT, phục vụ công tác tuyển sinh.

e) Đăng ký nguyện vọng và nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT:

- Từ ngày 16/7 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025, thí sinh đăng ký, điều chỉnh, bổ sung NVXT không giới hạn số lần:

- + Thí sinh sử dụng tài khoản đã được cấp để xử lý thông tin (nhập, sửa, xem) thông tin của thí sinh trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT;

- + Việc đăng ký NVXT đối với các ngành vào Trường ĐHĐT phải thực hiện theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia (Nội dung hướng dẫn đăng tải tại Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia);

- + Các nguyện vọng của thí sinh ĐKXT vào Trường ĐHĐT, đăng ký theo ngành và được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Hướng dẫn chi tiết các bước đăng ký được đăng tải ngay trên hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT, thí sinh sẽ truy cập vào để đăng ký;

- + Tất cả các NVXT của thí sinh vào Trường ĐHĐT sẽ được xử lý nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT và mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi bảo đảm điều kiện trúng tuyển.

- Từ ngày 29/7 đến 17 giờ 00 ngày 5/8/2025, Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng NVXT bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT;

- Các thí sinh thuộc diện hưởng chính sách ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng phải phối hợp với các điểm tiếp nhận rà soát thông tin khu vực (Phụ lục VII, Công văn số 2457 /BGDDT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xem chi tiết công văn tại <https://tuyensinh.dthu.edu.vn/cong-van-huong-dan-tuyen-sinh-dai-hoc-tuyen-sinh-cao-dang-nam-2025.html>) và đối tượng ưu tiên của thí sinh (nếu có).

Thí sinh tìm hiểu kỹ tài liệu hướng dẫn và phải thực hiện đúng, đủ, hết quy trình đăng ký xét tuyển; thí sinh chưa rõ các nội dung khai báo, nộp lệ phí xét tuyển, có thể liên hệ với cán bộ tại các điểm tiếp nhận hoặc cán bộ của Trường ĐHĐT hỗ trợ công tác tuyển sinh để được hướng dẫn.

f) Xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT: Trước 17 giờ 00 ngày 30/8/2025 tất cả thí sinh trúng tuyển (kể cả thí sinh trúng tuyển thẳng) vào Trường ĐHĐT phải xác nhận nhập học trên Hệ thống tuyển sinh Bộ GD&ĐT.

g) Từ ngày 01/9/2025 đến tháng 12/2025, thí sinh có nhu cầu xét tuyển các đợt bổ sung vào Trường ĐHĐT, thực hiện theo thông tin tuyển sinh được đăng tải trên trang thông tin tuyển sinh của Trường ĐHĐT (nếu Trường ĐHĐT xét tuyển bổ sung, thí sinh đã trúng tuyển và đã xác nhận nhập học không được xét tuyển bổ sung, trừ các trường hợp được Hiệu trưởng Trường ĐHĐT cho phép không nhập học).

6.3. Đăng ký thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức

a) Các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển thí sinh phải tham dự kỳ thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để đủ điều kiện tham gia xét tuyển và có kết quả từ 6,0 (theo thang điểm 10) trở lên:

- Ngành Giáo dục Mầm non (CD hoặc ĐH): đối với tổ hợp môn M00, M05 ngoài 02 môn thi văn hóa (Toán và Văn, Văn và Sử) ở kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 hoặc điểm trung bình môn học bạ lớp 12 hoặc điểm thi V-SAT, thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu GDMN.

- Ngành Giáo dục Thể chất và Ngành Huấn luyện Thể thao: đối với các tổ hợp, ngoài 02 môn thi văn hóa (Toán và Sinh; Toán và Địa; Văn và GDCD; Văn và Địa; Ngữ văn và Toán; Ngữ văn và Sinh học; Ngữ văn và GDKT&PL) ở kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 hoặc điểm trung bình môn học bạ lớp 12 hoặc điểm thi V-SAT, thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu TDTT.

- Ngành Sư phạm Âm nhạc: đối với các tổ hợp, ngoài 01 môn thi văn hóa (Toán hoặc Văn) ở kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 hoặc điểm trung bình môn học bạ lớp 12 hoặc điểm thi V-SAT, thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (Năng khiếu Hát và Năng khiếu Thâm âm-Tiết tấu).

- Ngành Sư phạm Mỹ thuật: đối với các tổ hợp, ngoài 01 môn thi văn hóa (Toán hoặc Văn) ở kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 hoặc điểm trung bình môn học bạ lớp 12 hoặc điểm thi V-SAT, thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (Năng khiếu Trang trí và Năng khiếu Hình họa).

b) Thời gian thi:

- Đợt 1: Thi vào ngày 29-30/6/2025.

- Đợt 2: Thi vào ngày 19-20/7/2025.

Lưu ý: Chi tiết kỳ thi năng khiếu bổ trợ xét tuyển đại học, cao đẳng chính quy năm 2025 xem tại thông báo số 2100/TB-ĐHĐT-HĐTS ngày 15 tháng 04 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐHĐT, tại <https://qao.dthu.edu.vn/post/id-1760>

7. Chính sách ưu tiên

- Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển, theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non Điều 7, Điều 8 của Thông tư 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022;

- Theo Trường ĐHĐT, tất cả thí sinh học tại các Trường THPT, THCS - THPT, Trung tâm GDTX được trao học bổng khi trúng tuyển nhập học vào Trường Đại học Đồng Tháp và đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 như sau:

+ Miễn học phí học kỳ đầu tiên đối với thí sinh có tổ hợp xét tuyển đạt từ 25 điểm trở lên (không tính điểm ưu tiên) và Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên). Đối với thí sinh trúng tuyển các ngành đào tạo giáo viên đã được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí sẽ được nhận mức học bổng tương ứng với mức học phí Khối ngành VII.

+ Tiếp tục miễn học phí cho thí sinh nếu đạt kết quả học lực loại Giỏi và kết quả rèn luyện loại tốt trở lên ở những học kỳ tiếp theo.

+ Nhà trường thực hiện chi trả cho sinh viên theo học các ngành đào tạo giáo viên (ngành sư phạm) theo Nghị định 116/2020 với mức chi trả là 3.630.000 đồng/tháng.

- Đối với học sinh là người dân tộc thiểu số trúng tuyển vào Trường năm 2025 như sau:

+ Sinh viên được bố trí ở Kí túc xá của Trường miễn phí trong suốt thời gian học tập.

+ Sinh viên học các ngành ngoài sư phạm được miễn học phí học kỳ đầu tiên. Sinh viên tiếp tục được miễn học phí ở các học kỳ tiếp theo nếu kết quả học tập đạt từ KHÁ trở lên và kết quả rèn luyện đạt từ TỐT trở lên.

+ Sinh viên học các ngành sư phạm sẽ nhận học bổng học kỳ đầu tiên bằng mức học phí của khối ngành VII theo mức thu học phí của Trường. Sinh viên tiếp tục được Nhà trường hỗ trợ thêm 1 triệu đồng/tháng ở các học kỳ tiếp theo (hỗ trợ tối đa 05 tháng/học kỳ, theo số tháng học tập thực tế tại Trường) nếu kết quả học tập đạt từ KHÁ trở lên và kết quả rèn luyện đạt từ TỐT trở lên.

+ Sinh viên là người các dân tộc thiểu số rất ít người (Si La, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Pu Péo, Cống, Mảng, Bô Y, Lô Lô, Cờ Lao, Ngái, Lự, Pà Thẻn, Chứt, La Ha, La Hủ) được hỗ trợ thêm 1 triệu đồng/tháng (hỗ trợ tối đa 05 tháng/học kỳ, theo số tháng học tập thực tế tại Trường) ngoài các khoản hỗ trợ khác theo quy định của Nhà nước.

+ Nhà trường thành lập Hội đồng xét, cấp chế độ, chính sách cho sinh viên là người dân tộc thiểu số với số suất học bổng dự kiến là 50 suất. Nguồn kinh phí thực hiện từ Quỹ đặc thù của Nhà trường.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/nguyện vọng đối với đăng ký xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

- Lệ phí thi môn năng khiếu đối với các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Huấn luyện Thể thao, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật

Stt	Môn thi	Lệ phí thi (01 môn/ 01 thí sinh)
1	Năng khiếu Thể dục thể thao	300.000 đồng
2	Năng khiếu Giáo dục Mầm non	
3	Năng khiếu Hát	150.000 đồng
4	Năng khiếu Thẩm âm – Tiết tấu	
5	Năng khiếu Trang trí	
6	Năng khiếu Hình họa	

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Tổ chức tuyển sinh theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát của Bộ GDĐT.

- Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định trong công tác tuyển sinh.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi tối đa cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. Bảo đảm cơ hội trúng tuyển cao nhất theo nguyện vọng và năng lực thí sinh .

- Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi và giám sát.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời khi kết thúc kỳ tuyển sinh năm 2025 cho Bộ GDĐT trước 31/12/2025.

- Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực hành vi vi phạm Quy chế.

- Chịu trách nhiệm giải trình về các nội dung của đề án tuyển sinh với Bộ GDĐT, cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan theo quy định và theo yêu cầu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng, tính đầy đủ, chính xác của các nội dung trong đề án. Thông tin tuyển sinh của Trường đăng trên trang thông tin điện tử **tuyensinh.dthu.edu.vn** và gửi về Bộ GDĐT ngay sau khi đăng để phục vụ công tác hậu kiểm.

- Bố trí bộ phận thường trực gồm các cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm trong công tác tuyển sinh, nắm vững quy chế để giải đáp các thắc mắc liên quan đến công tác tuyển sinh của Trường và chế độ ưu tiên trong tuyển sinh.

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Tổng đài Đại học Chính quy	Phòng BDCL	0277. 3882258 (Phòng BDCL) 0277. 3995599 (Ban tư vấn sinh viên)	tuyensinh@dthu.edu.vn
2	Nguyễn Quốc Tuấn	Phó Trưởng phòng Phòng BDCL	0976037248	nqtuan@dthu.edu.vn

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
3	Hà Vũ Hoàng	Chuyên viên Phòng BĐCL	0949892982	vuhoang@dtthu.edu.vn
4	Nguyễn Trí Túc	Phó Bí thư phụ trách Đoàn Trường	0277. 3995599	nttuc@dtthu.edu.vn
5	Bùi Ngọc Nga	Chuyên viên Phòng CTSV&TT	0277. 3995599	bnnga@dtthu.edu.vn

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

Mức thu học phí chính quy đại trà – hệ cao đẳng, đại học áp dụng đối với sinh viên khóa tuyển sinh từ năm 2025 trở về trước (Kèm theo Quyết định số 1157/QĐ-ĐHĐT ngày 31/03/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Đơn vị tính: nghìn đồng/tín chỉ

TT	Tên ngành đào tạo	Mức thu học phí dự kiến theo từng năm học				Tổng học phí toàn khóa (Khóa tuyển sinh năm 2025)
		2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	
1	Khối ngành I: (Các ngành sư phạm) Giáo dục Mầm non (CD+ĐH); Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Sư phạm Toán học; Sư phạm Tin học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Âm nhạc; Sư phạm Mỹ thuật; Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Sư phạm Công nghệ; Sư phạm Khoa học Tự nhiên; Sư phạm Lịch sử và Địa lý	Miễn học phí hoặc đóng theo học phí theo năm học (nếu thí sinh không đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP, đối với sinh viên học lại, học cải thiện)				
	Công nghệ Giáo dục	480	560	640	720	72.000
2	Khối ngành III: Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Quản lý công; Luật; Kinh doanh quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Kế toán doanh nghiệp; Quản trị Marketing	480	560	640	720	72.000

TT	Tên ngành đào tạo	Mức thu học phí dự kiến theo từng năm học				Tổng học phí toàn khóa (Khóa tuyển sinh năm 2025)
		2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029	
3	Khối ngành IV: Khoa học môi trường; Công nghệ sinh học	520	600	700	770	77.700
4	Khối ngành V: Nông học; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Thú y; Khoa học đất; Công nghệ kỹ thuật ô tô	560	650	750	840	84.000
5	Khối ngành VII: Công tác xã hội; Quản lý văn hóa; Việt Nam học; Quản lý đất đai; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh; Tâm lý học Giáo dục; Địa lý học; Truyền thông đa phương tiện; Quản lý Tài nguyên và môi trường; Quản lý kinh tế; Huấn luyện thể thao	520	600	700	770	77.700

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Nhóm ngành/ Ngành xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên							
	Nhóm ngành I							
1.1	Giáo dục Mầm non (CĐ)	100; 200; 301; 402	116	116	23	80	77	25.8
1.2	Giáo dục Mầm non (ĐH)	100; 200; 301; 402	301	301	23.23	384	376	26.41
1.3	Giáo dục Tiểu học	100; 200; 301; 402	600	600	23.28	588	581	25.27
1.4	Giáo dục Công dân	100; 200; 301; 402	*			20	20	26.98
1.5	Giáo dục Chính trị	100; 200; 301; 402	24	24	25.8	20	19	26.8
1.6	Giáo dục Thể chất	100; 200; 301	132	132	25.66	60	59	25.7
1.7	Sư phạm Toán học	100; 200; 301; 402	94	94	24.17	31	31	26.33
1.8	Sư phạm Tin học	100; 200; 301; 402	131	131	19	131	131	23.76
1.9	Sư phạm Vật lý	100; 200; 301; 402	20	20	23.98	20	19	25.8
1.10	Sư phạm Hóa học	100; 200; 301; 402	21	21	24.45	20	20	25.94

TT	Lĩnh vực/ Nhóm ngành/ Ngành xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.11	Sư phạm Sinh học	100; 200; 301; 402	22	22	23.2	20	20	24.86
1.12	Sư phạm Ngữ văn	100; 200; 301; 402	94	94	26.4	68	66	27.31
1.13	Sư phạm Lịch sử	100; 200; 301; 402	22	22	27.4	20	20	27.84
1.14	Sư phạm Địa lý	100; 200; 301; 402	18	18	25.57	22	22	27.43
1.15	Sư phạm Âm nhạc	100; 200; 301	108	108	18	56	55	25.3
1.16	Sư phạm Mỹ thuật	100; 200; 301	59	59	18	82	81	22.5
1.17	Sư phạm Tiếng Anh	100; 200; 301; 402	231	231	23.79	223	216	25.43
1.18	Sư phạm công nghệ	100; 200; 301; 402	21	21	19	24	22	24.1
1.19	Sư phạm khoa học tự nhiên	100; 200; 301; 402	376	376	19	223	223	24.63
1.20	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	100; 200; 301; 402	253	253	20.25	75	75	26.98
2	Nhân văn							
	Nhóm ngành VII							
2.1	Ngôn ngữ Anh	100; 200; 301; 402	200	226	18	200	207	22.51
2.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	100; 200; 301; 402	250	302	18	264	258	23.7
2.3	Quản lý văn hóa	100; 200; 301; 402	40	33	15	70	62	23.48
3	Khoa học xã hội và hành vi							
	Nhóm ngành VII							
3.1	Tâm lý học giáo dục	100; 200; 301; 402	50	45	15	50	41	24.2
3.2	Địa lý học	100; 200; 301; 402	30	17	15	30	29	25.2
3.3	Việt Nam học	100; 200; 301; 402	90	94	15	140	120	23.93
4	Kinh doanh và quản lý							
	Nhóm ngành III							
4.1	Quản trị kinh doanh	100; 200; 301; 402	150	138	15	152	146	16.5
4.2	Kinh doanh quốc tế	100; 200; 301; 402	40	22	15	44	63	15
4.3	Tài chính - Ngân hàng	100; 200; 301; 402	90	91	15	103	97	19.5
4.4	Kế toán	100; 200; 301; 402	200	173	15	202	184	19.1
4.5	Quản lý công	100; 200; 301; 402	40	9	15	73	71	19.6
5	Pháp luật							
	Nhóm ngành III							
5.1	Luật	100; 200; 301; 402	80	80	15.5	83	76	24.21
6	Khoa học sự sống							
	Nhóm ngành IV							
6.1	Công nghệ sinh học	100; 200; 301; 402	80	26	15	80	69	15
6.2	Khoa học môi trường	100; 200; 301; 402	40	8	15	61	25	15
7	Máy tính và công nghệ thông tin							
	Nhóm ngành V							
7.1	Khoa học máy tính	100; 200; 301; 402	190	69	15	108	120	15

TT	Lĩnh vực/ Nhóm ngành/ Ngành xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Năm tuyển sinh 2023			Năm tuyển sinh 2024		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
7.2	Công nghệ thông tin	100; 200; 301; 402	110	163	16	217	199	16
8	Công nghệ kỹ thuật							
	Nhóm ngành V							
8.1	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	100; 200; 301; 402	*			60	42	19.21
9	Sản xuất và chế biến							
	Nhóm ngành V							
9.1	Công nghệ thực phẩm	100; 200; 301; 402	*			50	43	18.3
10	Kiến trúc và xây dựng							
	Nhóm ngành V							
10.1	Kỹ thuật xây dựng	100; 200; 301; 402	*			52	46	15
11	Nông lâm nghiệp và thủy sản							
	Nhóm ngành V							
11.1	Nông học	100; 200; 301; 402	40	49	15	72	44	15
11.2	Nuôi trồng thủy sản	100; 200; 301; 402	60	53	15	97	59	15
12	Dịch vụ xã hội							
	Nhóm ngành VII							
12.1	Công tác xã hội	100; 200; 301; 402	40	38	15	64	57	23.23
13	Môi trường và bảo vệ môi trường							
	Nhóm ngành VII							
13.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	100; 200; 301; 402	30	20	15	58	47	15
13.2	Quản lý đất đai	100; 200; 301; 402	50	40	15	72	64	15

* Năm 2023 chưa tuyển sinh

Phụ lục 1: Các ví dụ minh họa tính điểm xét tuyển

1. Phương thức xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông

Thí sinh A thuộc khu vực 2 nông thôn có tổng mức điểm ưu tiên là $MĐƯT$ là 0,5; xét tuyển ngành Công nghệ Giáo dục có các tổ hợp xét A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), C01 (Ngữ văn, Toán, Vật lý), D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh), X27 (Toán, Công nghệ công nghiệp, Tiếng Anh), X03 (Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp), X26 (Toán, Tin học, Tiếng Anh) với điểm thi như sau:

Môn thi	Toán	Vật lý	Hóa học	Ngữ văn	Tiếng Anh
Điểm	7,5	8,4	Không thi	8,0	9,0

Thí sinh sẽ có 02 tổ hợp điểm để xét, được tính theo công thức (3):

$$\text{ĐTHPT}_{C01} = 8,0 + 7,5 + 8,4 = 23,9$$

$$\text{ĐTHPT}_{D01} = 8,0 + 7,5 + 9,0 = 24,5$$

Điểm $\text{ĐTHPT}_{\max}$ được tính theo công thức (4):

$$\text{ĐTHPT}_{\max} = \max(\text{ĐTHPT}_x) = 24,5$$

Vì thí sinh có điểm $\text{ĐTHPT}_{\max} = 24,5 > 22,5$ nên áp dụng công thức tính điểm ưu tiên (2):

$$\text{ĐƯT} = \left(\frac{30 - \text{ĐTHPT}_{\max}}{7,5} \right) \times \text{MĐƯT} = \left(\frac{30 - 24,5}{7,5} \right) \times 0,5 = 0,37$$

Như vậy, điểm xét tuyển ĐXTTHPT của thí sinh theo công thức (1):

$$\text{ĐXTTHPT} = 24,5 + 0,37 = 24,87$$

Đây là điểm cuối để đưa vào xét tuyển của thí sinh A vào ngành Công nghệ Giáo dục theo điểm thi tốt nghiệp THPT

2. Phương thức xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)

Thí sinh B đạt giải nhất môn toán cấp tỉnh, thuộc khu vực 2 nông thôn có tổng mức điểm ưu tiên là $MĐƯT$ là 0,5; xét tuyển ngành Công nghệ Giáo dục có các tổ hợp xét A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), C01 (Ngữ văn, Toán, Vật lý), D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh), X27 (Toán, Công nghệ công nghiệp, Tiếng Anh), X03 (Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp), X26 (Toán, Tin học, Tiếng Anh) với điểm học bạ như sau:

Môn học	Toán	Vật lý	Hóa học	Ngữ văn	Tiếng Anh
Điểm	8,5	8,0	8,3	7,8	8,4

Thí sinh sẽ có 03 tổ hợp điểm để xét, được tính theo công thức (7):

$$\text{ĐHB}_{A00} = 8,5 + 8,0 + 8,3 = 24,8$$

$$\text{ĐHB}_{C01} = 7,8 + 8,5 + 8,0 = 24,3$$

$$\text{ĐHB}_{D01} = 7,8 + 8,5 + 8,4 = 24,7$$

Tra trong Mục 5.2. thì tổng điểm cộng của thí sinh B là $\text{ĐCT} = 0,8$

Điểm $\text{ĐHB}_{\max}$ được tính theo công thức (8):

$$\text{ĐHB}_{\max} = \max(\text{ĐHB}_x) + \text{ĐCT} = 24,8 + 0,8$$

Vì thí sinh có điểm $\text{ĐHB}_{\max} = 25,6 > 22,5$ nên áp dụng công thức tính điểm ưu tiên (6):

$$\text{ĐU'T} = \left(\frac{30 - \text{ĐHB}_{\max}}{7,5} \right) \times \text{MĐU'T} = \left(\frac{30 - 25,6}{7,5} \right) \times 0,5 = 0,29$$

Như vậy, điểm xét tuyển ĐXTHB của thí sinh theo công thức (5):

$$\text{ĐXTHB} = 25,6 + 0,29 = 25,89$$

Đây là điểm cuối để đưa vào xét tuyển của thí sinh B vào ngành Công nghệ Giáo dục theo kết quả học tập lớp 12 THPT (học bạ)

3. Phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT

Thí sinh D đoạt huy chương đồng giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm, thuộc khu vực 2 nông thôn có tổng mức điểm ưu tiên là MĐU'T là 0,5; xét tuyển ngành Huấn luyện Thể thao có các tổ hợp xét T00 (Toán, Sinh học, NK TĐTT), T01 (Ngữ văn, Toán, NK TĐTT), T02 (Ngữ văn, Sinh học, NK TĐTT), T03 (Ngữ văn, Địa lí, NK TĐTT), T05 (Ngữ văn, GDCD, NK TĐTT), T06 (Toán, Địa lí, NK TĐTT), T15 (Ngữ văn, GDKT&PL, NK TĐTT) với điểm kỳ thi V-SAT và điểm kỳ thi năng khiếu như sau:

Môn thi	Toán	Sinh học	Ngữ văn	Địa lí	NK TĐTT
Điểm lần 1	125	130			7,5
Điểm lần 2	135		125	125	8,5
Điểm max của 2 lần thi	135	130	125	125	8,5

Thí sinh sẽ có 05 tổ hợp điểm để xét, được tính theo công thức (13):

$$\text{ĐVS}_{T00} = \left(\frac{135 + 130}{15} \right) + 8,5 = 17,67 + 8,5 = 26,17$$

$$\text{ĐVS}_{T01} = \left(\frac{125 + 135}{15} \right) + 8,5 = 17,33 + 8,5 = 25,83$$

$$\text{ĐVS}_{T02} = \left(\frac{125 + 130}{15} \right) + 8,5 = 17,0 + 8,5 = 25,5$$

$$\text{ĐVS}_{T03} = \left(\frac{125 + 125}{15} \right) + 8,5 = 16,67 + 8,5 = 25,17$$

$$\text{ĐVS}_{T06} = \left(\frac{135 + 125}{15} \right) + 8,5 = 17,33 + 8,5 = 25,83$$

Tra trong Mục 5.2. thì tổng điểm cộng của thí sinh D là $\text{ĐCT} = 0,8$

Điểm $\text{ĐVS}_{\max}$ được tính theo công thức (14):

$$\text{ĐVS}_{\max} = \max(\text{ĐVS}_x) + \text{ĐCT} = 28,83 + 0,8$$

Vì thí sinh có điểm $\text{ĐVS}_{\max} = 29,63 > 22,5$ nên áp dụng công thức tính điểm ưu tiên (12):

$$\text{ĐU'T} = \left(\frac{30 - \text{ĐSV}_{\max}}{7,5} \right) \times \text{MĐU'T} = \left(\frac{30 - 29,63}{7,5} \right) \times 0,5 = 0,02$$

Như vậy, điểm xét tuyển ĐXTHB của thí sinh theo công thức (11):

$$\text{ĐXTVS} = 29,63 + 0,02 = 29,65$$

Đây là điểm cuối để đưa vào xét tuyển của thí sinh D vào ngành Huấn luyện thể thao theo kết quả học kỳ thi V-SAT và kỳ thi năng khiếu